

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thanh Hương

Ông Điều Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị G, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Điều C, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị G trình bày:*

Chị Thị G và anh Điều C tự nguyện về chung sống với nhau năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã An K, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Điều C không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu rồi về đánh đập vợ, đến nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Điều C.

Về con chung: Anh Điều C và chị Thị G có 02 người con chung tên Điều Thị Mai Xuân K, sinh ngày 13/10/2006 và Điều Xuân T, sinh ngày 01/8/2008. Khi ly

hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh Điều C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Điều C không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của anh Điều C.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều C cư trú tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị Thị G và anh Điều C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị G có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị G và anh C theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị G:

Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cùng biên bản xác minh ngày 24/5/2022 thấy: Anh Điều C và chị Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 2006. Trong quá trình chung sống, anh C thường xuyên ăn nhậu không phụ giúp gia đình. Hiện nay, anh C và chị G đã không còn chung sống với nhau. Xét mâu thuẫn giữa anh C và chị G đã đến mức trầm trọng, hai vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh Đ, chị Thị G có 02 người con chung tên Điều Thị Mai Xuân K, sinh ngày 13/10/2006 và Điều Xuân T, sinh ngày 01/8/2008. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh C không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi hai con, cả 02 cháu hiện nay đều đang ở với chị G và đều có nguyện vọng được sống cùng với chị G. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị G, giao 02 con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị G và anh Điều C

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 15/5/2006 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Điều Thị Mai Xuân K, sinh ngày 13/10/2006 và Điều Xuân T, sinh ngày 01/8/2008 cho chị Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Thị G phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013896 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Thị Minh Hải**